

Số: 131 / BV- Dược & TTBYT
V/v mời chào giá dịch vụ thẩm định giá
các vật tư, hóa chất theo máy phục vụ
cho công tác khám chữa bệnh thường
xuyên của BVĐK Nam Liên Chiểu năm
2023.

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 02 năm 2023

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Quý Công ty

Hiện tại, BVĐK Nam Liên Chiểu đang có nhu cầu thẩm định giá các vật tư, hóa chất theo máy phục vụ cho công tác khám chữa bệnh thường xuyên của BVĐK Nam Liên Chiểu năm 2023. Bệnh viện kính mời các Công ty quan tâm gửi thông tin báo giá thẩm định giá của các mặt hàng. Cụ thể như sau:

1. Danh mục hàng hóa: theo Phụ lục 1 đính kèm.
2. Mục tiêu thẩm định giá: làm cơ sở xây dựng giá gói thầu mua sắm.
3. Tiêu chí lựa chọn doanh nghiệp thẩm định giá:

- Doanh nghiệp thẩm định giá được lựa chọn phải thuộc Danh sách công khai Doanh nghiệp thẩm định giá đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá của Bộ tài chính 2023;

- Thẩm định viên đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn theo quy định của Luật giá và quy định của pháp luật, có kinh nghiệm trong lĩnh vực thẩm định giá, doanh nghiệp thẩm định giá có uy tín;

- Giá dịch vụ thẩm định giá trọn gói (đã bao gồm các chi phí đi khảo sát, thu thập thông tin để thẩm định giá và thuế GTGT).

- Thời hạn cung cấp chứng thư sau 20 ngày làm việc kể từ ngày ký kết Hợp đồng. Chứng thư thẩm định giá phải thực hiện theo quy định của Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Y tế.

4. Hồ sơ gồm có

- Hồ sơ pháp lý và năng lực của doanh nghiệp thẩm định giá;
- Bảng chào giá dịch vụ thẩm định giá;
- Danh sách chứng minh là doanh nghiệp đủ điều kiện thẩm định giá năm 2023 của Bộ Tài chính.

5. Thời hạn, địa điểm nộp hồ sơ

- Thời gian nhận báo giá: bắt đầu kể từ ngày ra thông báo đến 17 giờ 00 ngày 02/03/2023.

- Địa điểm nộp báo giá: Khoa Dược & TTBYT, BVĐK Nam Liên Chiểu.
Địa chỉ: 68 Hoàng Văn Thái, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Số điện thoại: 3.769207.

- Ngoài bì thư ghi chú “ báo giá thẩm định giá các vật tư, hóa chất theo máy phục vụ cho công tác khám chữa bệnh thường xuyên của BVĐK Nam Liên Chiểu năm 2023”.

Bệnh viện chỉ xem xét, lựa chọn các Công ty cung cấp đầy đủ các nội dung theo yêu cầu.

Rất mong sự hồi đáp của Quý Công ty. Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc (để báo cáo);
- Tổ CNTT (đăng website);
- Lưu: VT, KD, TCKT.



Trần Viết Gia

Phụ lục 1
DANH MỤC CÁC MẶT HÀNG CẦN MUA SẴM
(Đính kèm số 131 / BV- Dược & TTBYT ngày 23 tháng 02 năm 2023
của Bệnh viện Đa Khoa Nam Liên Chiểu)

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật	Số lượng đề xuất
I. HÓA CHẤT RỬA MÁY VÀ MIỄN DỊCH PHÙ HỢP CHO MÁY PHÂN TÍCH MIỄN DỊCH TỰ ĐỘNG COBAS E411				
1	CleanCell Elecsys,cobas e	Hộp	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411	8
2	ISE cleaning solution Sys Clean	Hộp	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411	2
3	ProCell Elecsys,cobas e	Hộp	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411	9
4	Sys Wash Elecsys,cobas e	Hộp	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411	5
5	Elecsys Anti-HAV IgM	Hộp	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411	1
6	PreciControl Anti-HAV IgM	Hộp	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411	1
7	Elecsys Anti-HCV II	Hộp	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411	5
8	PreciControl Anti-HCV	Hộp	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411	2
9	AssayCup	Hộp	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411	4
10	AssayTip	Hộp	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411	1
11	CalSet FT4 III	Hộp	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411	1
12	Elecsys FT4 III	Hộp	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411	5
13	Elecsys HBsAg II	Hộp	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411	7
14	PreciControl HBsAg II	Hộp	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411	3
15	HCG+ β CalSet	Hộp	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411	1
16	Elecsys HCG+ β	Hộp	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411	5
17	Elecsys HIV combi PT	Hộp	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411	7
18	PreciControl HIV Gen II	Hộp	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411	3

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật	Số lượng đề xuất
19	PreciControl Universal	Hộp	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411	1
20	T3 CalSet	Hộp	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411	1
21	Elecsys T3	Hộp	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411	5
22	TSH CalSet	Hộp	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411	3
23	Diluent Universal	Hộp	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411	4
24	Elecsys TSH	Hộp	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411	5
25	Thuốc thử xét nghiệm PCT (procalcitonin)	Hộp	<p>Bộ thuốc thử (M, R1, R2) được dán nhãn PCT</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ M Vi hạt phủ Streptavidin (nắp trong), 1 chai, 6.5 mL: ▪ R1 Anti-PCT-Ab~biotin (nắp xám), 1 chai, 9 mL: ▪ R2 Anti-PCT-Ab~Ru(bpy) (nắp đen), 1 chai, 9 mL: <p>- PCT Cal1 PCT calibrator 1 (nắp trắng), 1 chai (đông khô) pha 4 mL:</p> <p>- PCT Cal2 PCT calibrator 2 (nắp đen), 1 chai (đông khô) pha 4 mL:</p> <p>- PC PCT1 PreciControl PCT 1 (nắp be), 2 chai (đông khô) mỗi chai pha 4 mL:</p> <p>- PC PCT2 PreciControl PCT 2 (nắp nâu), 2 chai (đông khô) mỗi chai pha 4 mL:</p>	3
26	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CA 125	Hộp	<ul style="list-style-type: none"> ▪ CA125 II Cal1: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 1 ▪ CA125 II Cal2: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 2 	1
27	Thuốc thử xét nghiệm CA 125		<p>Bộ thuốc thử được dán nhãn CA72-4.</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ M Vi hạt phủ Streptavidin (nắp trong), 1 chai, 6.5 mL: ▪ R1 Anti-CA 72-4-Ab~biotin (nắp xám), 1 chai, 8 mL: ▪ R2 Anti-CA 72-4-Ab~Ru(bpy) (nắp đen), 1 chai, 8 mL: 	2

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật	Số lượng đề xuất
II. HÓA CHẤT VÀ VẬT TƯ TIÊU HAO ĐỒNG BỘ THEO MÁY SINH HÓA TỰ ĐỘNG HUMASTAR 600 & HUMALYZER 3000				
28	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Alcohol Ethanol	Hộp	Thuốc thử Alcohol ethanol Thành phần chính: Buffer pH 8.3 300 mmol/L NAD+ 10 mmol/L Alcohol dehydrogenase (ADH) ³ 200 kU/L Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	21
29	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Alcohol Ethanol	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Alcohol Ethanol Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	3
30	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng Alcohol Ethanol	Hộp	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng Alcohol Ethanol Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	3
31	AUTOCAL CALIBRATOR	Hộp	Chất hiệu chuẩn sử dụng cho xét nghiệm sinh hóa -Thành phần: Huyết thanh người và các thành phần hóa học - Độ bền trên máy: ở 25°C: 8 giờ; ở 2-8°C: 7 ngày - Đóng gói: 4x 5ml -TCCL: CE, ISO 13485	3
32	HUMATROL N	Hộp	-Huyết thanh kiểm soát dùng trong xét nghiệm sinh hóa. - Thành phần: Mỗi lọ có 5.0 ml vật liệu kiểm soát dạng đông khô, thành phần chính là huyết thanh bò -Điều kiện bảo quản (dạng đông khô):2-8oC bền đến hạn sử dụng. Sau khi hoàn nguyên sẽ bền ở 2...8°C cho ít nhất: chất vô cơ, chất hữu cơ và enzymes 7 ngày, bilirubin 4 ngày và acid phosphatase 2 ngày. -Đóng gói: 6 x 5 ml -Tiêu chuẩn chất lượng: CE, ISO 13485	4

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật	Số lượng đề xuất
33	HUMATROL P	Hộp	<ul style="list-style-type: none"> -Huyết thanh kiểm soát dùng trong xét nghiệm sinh hóa. - Thành phần: Mỗi lọ có 5.0 ml vật liệu kiểm soát dạng đông khô, thành phần chính là huyết thanh bò -Điều kiện bảo quản (dạng đông khô):2-8oC bền đến hạn sử dụng. Sau khi hoàn nguyên sẽ bền ở 2...8°C cho ít nhất: chất vô cơ, chất hữu cơ và enzymes 7 ngày, bilirubin 4 ngày và acid phosphatase 2 ngày. -Đóng gói: 6 x 5 ml -Tiêu chuẩn chất lượng:CE, ISO 13485 	4
34	Additive Wash Solution	Hộp	<ul style="list-style-type: none"> -Dung dịch rửa máy chuyên dùng cho máy xét nghiệm HumaStar300 - HumaStar 600 -Thành phần: Chất tẩy rửa 25%, Chất bảo quản < 0.095 % -Điều kiện bảo quản: bảo quản ở 2-25oC, ở nhiệt độ phòng bền tới hạn sử dụng -Đóng gói: Hộp/ 4x25ml -TCCL:CE, ISO 13485 	8
35	DILUENT HUMASTAR 600	Hộp	<ul style="list-style-type: none"> - Dung dịch pha loãng mẫu chuyên dùng cho máy HumaStar600, lọ có mã vạch đóng -Thành phần: 9 g/l sodium chloride; 0.095% Gentamicin sulphate -Điều kiện bảo quản: bảo quản ở 2-25oC -Đóng gói: Hộp/ 4x20ml -TCCL:CE, ISO 13485 	4
36	CUVETTE CLEAN	Hộp	Dung dịch rửa công đo cho máy sinh hóa tự động	4
37	TIP CLEANING KIT	Hộp	Dung dịch rửa kim cho máy sinh hóa tự động	7

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật	Số lượng đề xuất
38	Albumin Liqcolor	Hộp	Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng nồng độ Albumin trong huyết tương và huyết thanh - Phương pháp: BCG - Thành phần: [RGT] Colour reagent Citrate buffer (pH 4.2) 30 mmol/l Bromocresol green 260 µmol/l [STD] Standard Albumin 4 g/dl or 40 g/l Sodium azide 0.095 % - Bảo quản: 2 -25°C - Đóng gói: [RGT] 4 x 100ml Colour reagent [STD] 1 x 3 ml Standard - TCCL: CE, ISO 13485	1
39	alpha-Amylase liquicolor	Hộp	Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng alpha Amylase trong huyết tương và huyết thanh	26
40	CK-MB liquiUV	Hộp	Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa ... để định lượng CK-MB trong huyết tương và huyết thanh	4
41	CK-MB Calibrator	Hộp	Chất hiệu chuẩn sử dụng cho xét nghiệm sinh hóa CK-MB Thành phần: [CAL] 2 x 1 ml Calibrator human serum, (lyophilised) -Điều kiện bảo quản: sau hoàn nguyên bền được 5 ngày ở 2 ... 8°C. Có thể chia nhỏ và giữ trong tủ âm để bảo quản lâu hơn. -Đóng gói: Hộp/2 x 1 ml -Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	1

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật	Số lượng đề xuất
42	CK-MB Control		<ul style="list-style-type: none"> -Vật liệu kiểm soát cho xét nghiệm định lượng CK-MB -Thành phần: huyết thanh người dạng đông khô -Điều kiện bảo quản: từ 2-8oC khi chưa mở nắp bên tới hạn sử dụng. Sau khi hoàn nguyên có thể chia thành nhiều phần nhỏ và giữ trong tủ đông ở -18°C, bền được tối đa 4 tuần -Đóng gói: <ul style="list-style-type: none"> 2 x 2 ml [Low] White cap 2 x 2 ml [High] Black cap -TCCL: CE, ISO 13485 	1
43	CALCIUM Liquicolor	Hộp	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất sử dụng cho xét nghiệm để định lượng nồng độ Canxi trong huyết tương và huyết thanh - Phương pháp: Calcium CPC Thành phần <ul style="list-style-type: none"> [BUF] 100 ml Dung dịch đệm Buffers Dung dịch đệm Lysine (pH 11.1)0.2 mol/L; Sodium azide 0.095% [RGT] 100 ml Thuốc thử màu 8-Hydroxyquinoline 14 mmol/L; o-Cresolphthalein-complexone 0.1 mmol/L; Hydrochloric acid 40 mmol/L [STD] 3 ml Dung dịch Standard Calcium (II) 8 mg/dl hoặc 2 mmol/L; Sodium azide 0.095% - Độ bền trên máy: trong 7 ngày ở 2-8°C và 3 ngày ở 15-25°C - Độ ổn định: đến hạn sử dụng khi bảo quản đúng cách - Đóng gói: [BUF] 100 ml Dung dịch đệm Buffers; [RGT] 100 ml Thuốc thử màu; [STD] 3 ml Dung dịch Standard - TCCL: CE, ISO 13485 	47

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật	Số lượng đề xuất
44	Cholesterol liquicolor	Hộp	<p>Hóa chất sử dụng cho xét nghiệm để định lượng nồng độ Cholesterol trong huyết tương và huyết thanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp: CHOD-PAP - Thành phần: <ul style="list-style-type: none"> [RGT] 4x100 ml Thuốc thử enzyme Dung dịch đệm Phosphate (pH 6.5) 30 mmol/l; 4-Aminophenazone 0.3 mmol/l; Phenol 5 mmol/l; Peroxidase > 5 KU/l; Cholesterol esterase > 150 U/l; Cholesterol oxidase > 100 U/l; Sodium azide 0.05 % [STD] 3 ml Dung dịch chuẩn Standard Cholesterol 200 mg/dl hay 5.17 mmol/l; Sodium azide 0.095% - Độ bền trên máy: 2 tuần ở 15-25°C - Đóng gói: [RGT] 4x100 ml Thuốc thử enzyme; [STD] 3 ml Dung dịch chuẩn Standard - TCCL: CE, ISO 13485 	13
45	Creatinine liquicolor	hộp	<p>Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng nồng độ Creatinine trong huyết tương và huyết thanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp: Jaffé-Reaction - Thành phần: [PIC] Picric Acid 26 mmol/l [NaOH] Sodium Hydroxide 1.6 mol/l [STD] Standard: Creatinine 2 mg/dl or 176.8 µmol/l - Ổn định: 4 tuần ở 15-25°C - Đóng gói: [PIC] 1 x 100 ml Picric Acid [NaOH] 1 x 100 ml Sodium Hydroxide [STD] 1 x 5 ml Standard - TCCL: CE, ISO 13485 	49

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật	Số lượng đề xuất
46	Glucose liquicolor	hộp	<p>Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng nồng độ Glucose trong huyết tương và huyết thanh</p> <p>- Phương pháp: GOD-PAP Method</p> <p>- Thành phần:</p> <p>[RGT] Enzyme reagent</p> <p>Phosphate buffer (pH 7.5) 100 mmol/l</p> <p>4-Aminoantipyrine 0.25 mmol/l</p> <p>Phenol 0.75 mmol/l</p> <p>Glucose oxidase ≥ 15 KU/l</p> <p>Peroxidase ≥ 1.5 KU/l</p> <p>Mutarotase > 0.1 KU/l</p> <p>Sodium azide 0.095 %</p> <p>[STD] Standard</p> <p>Glucose 100 mg/dl or 5.55 mmol/l</p> <p>- Độ ổn định: 2 tuần ở 15-25°C</p> <p>- Đóng gói: [RGT] 4 x 100 ml ; [STD] 1 x 3 ml</p> <p>- TCCL: CE, ISO 13485</p>	36
47	HDL Cholesterol liquicolor	Hộp	<p>Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng HDL-Cholesterol trong huyết tương và huyết thanh</p>	49
48	LDL Cholesterol liquicolor	Hộp	<p>Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng LDL-Cholesterol trong huyết tương và huyết thanh</p>	5
49	Triglycerides liquicolormono	Hộp	<p>Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng Triglycerides trong huyết tương và huyết thanh</p>	13

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật	Số lượng đề xuất
50	Uric acid liquicolor	Hộp	<p>Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng uric acid trong huyết tương và huyết thanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp: PAP-Method - Thành phần: <p>[RGT] Enzyme reagent Phosphate buffer (pH 7.5) 50 mmol/l 4-Aminophenazone 0.3 mmol/l DCHBS 4 mmol/l Uricase ≥ 200 U/l Peroxidase ≥ 1000 U/l</p> <p>[STD] Standard Uric acid 8 mg/dl or 476 μmol/l Sodium azide 0.095 %</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ ổn định: 2 tuần ở 15-25°C - Đóng gói: [RGT] 4 x 30 ml Enzyme reagent [STD] 3 ml Standard - TCCL: CE, ISO 13485 	13

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật	Số lượng đề xuất
51	Urea liquicolor	Hộp	<p>Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng nồng độ Ure trong huyết tương và huyết thanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp: Thủy phân Ure, Berthelot reaction - Thành phần: <p>[RGT1] Reagent 1 Phosphate buffer (pH 7.0): 120 mmol/l Sodium salicylate: 60 mmol/l Sodium nitroprusside: 5 mmol/l EDTA: 1 mmol/l</p> <p>[RGT2] Reagent 2 Phosphate buffer (pH < 13): 120 mmol/l Hypochlorite: ≈ 0.6 g/l Cl</p> <p>[ENZ] Enzyme Urease: > 500 KU/l</p> <p>[STD] Standard Urea: 80 mg/dl or 13.3 mmol/l equivalent to BUN: 37.28 mg/dl or 6.2 mmol/l Sodium azide: 0.095 %</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ ổn định: <ul style="list-style-type: none"> + [RGT1], [RGT2], [ENZ]: 6 tuần ở 2-8°C hoặc 2 tuần ở 15-25°C + [STD]: 4 tuần ở 2 - 8°C hoặc 2 tuần ở 15-25°C <ul style="list-style-type: none"> - Đóng gói: <p>RGT1] 100 ml ; [RGT2] 100 ml ; [ENZ] 1 ml ; [STD] 3 ml - TCCL: CE, ISO 13485</p>	49
52	GOT(ASAT) liquiUV	Hộp	<p>Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng GOT trong huyết tương và huyết thanh</p>	18
53	GPT(ALAT) liquiUV	Hộp	<p>Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng GPT trong huyết tương và huyết thanh</p>	18
54	Gamma-GT liquicolor	Hộp	<p>Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng GGT trong huyết tương và huyết thanh</p>	13

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật	Số lượng đề xuất
55	Total Protein liquicolor	Hộp	Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng nồng độ Protein toàn phần trong huyết tương và huyết thanh - Phương pháp: Biuret Method - Thành phần: [RGT] Colour reagent Sodium hydroxide 200 mmol/l Potassium sodium tartrate 32 mmol/l Copper sulfate 12 mmol/l Potassium iodide 30 mmol/l [STD] Standard Protein 8 g/dl or 80 g/l Sodium azide 0.095 % - Bảo quản: 2 -25°C - Đóng gói: [RGT] 4 x 100 ml Colour reagent [STD] 1 x 3 ml Standard - TCCL: CE, ISO 13485	3
56	auto-Bilirubin-D liquicolor	Hộp	Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng Bilirubin trực tiếp trong huyết tương và huyết thanh	3
57	auto-Bilirubin-T liquicolor	Hộp	Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng Bilirubin toàn phần trong huyết tương và huyết thanh	3
58	Ferritin Reagent Kit	Hộp	Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng Ferritin trong huyết tương và huyết thanh	2
59	Halogen lamp 12V 20W for HumaStar 600	cái	Bóng đèn Halogen 12V-20W sử dụng cho máy HumaStar 600. REF: 16661/7 - Bộ 1200 công đo phản ứng cho máy sinh hóa tự động HumaStar 600. Mẫu và thuốc thử được phân phối vào nhiều dải cuvette, mỗi dải có 5 cuvette. Các khay phản ứng chứa 16 dải cuvette, tổng cộng 160 cuvette mỗi khay.	4
60	Reaction cuvettes for HumaStar 600	Hộp	Mẫu và thuốc thử được phân phối vào nhiều dải cuvet. Mỗi dải có 5 cuvet. Các khay phản ứng chứa 16 cuvet mỗi dải, hệ thống có tổng cộng 160 cuvet.(≥1200 cái)	3
III. HÓA CHẤT ĐỒNG BỘ THEO :MÁY HUYẾT HỌC HC80TS				
61	HC-DILUENT	Thùng	Dung dịch pha loãng sử dụng cho các máy huyết học dòng HumaCount - Thành phần: Natri sunphat (1%), đệm photphat vô cơ (<0,6%), natri	100

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật	Số lượng đề xuất
			clorua (<0,3%), natri azit (<0,05%) -Đóng gói: 1x 20L - TCCL: CE, ISO 13485	
62	HC-LYSE-CF	hộp	Dung dịch ly giải hồng cầu sử dụng cho các máy huyết học dòng HumaCount - Thành phần: Muối amoni bậc bốn (2,7%), chất hoạt động bề mặt (<0,05%) - Đóng gói: 2x1L - Độ bền: 36 tháng - TCCL: CE, ISO 13485	49
63	HC-CLEANER	chai	Dung dịch rửa máy sử dụng cho các máy huyết học dòng HumaCount - Thành phần: Natri photphat (<1%), natri clorua (<1%), chất hoạt động bề mặt (<2%), natri azit (<0,05%), xanh bromocresol (<0,001%) - Đóng gói: 1L - Độ bền sau khi mở nắp: 90 ngày -TCCL: CE, ISO 13485	72
64	HC-CONTROL	hộp	Vật liệu kiểm soát sử dụng cho các máy huyết học dòng HumaCount - Đóng gói: [CẤP ĐỘ 1] 2.5 ml khoảng thấp (nắp xanh da trời) [CẤP ĐỘ 2] 2.5 ml khoảng bình thường (nắp xanh lá cây) [CẤP ĐỘ 3] 2.5 ml khoảng cao (nắp đỏ) - Thành phần: Các tế bào máu được ổn định gồm hồng cầu (từ người), bạch cầu (từ động vật có vú, mô phỏng) và thành phần tiểu cầu -TCCL: CE, ISO 13485	12
IV. HÓA CHẤT ĐỒNG BỘ MÁY ĐIỆN GIẢI HUMALYTE PLUS 3				
65	Reagent Pack HumaLyte Plus 3	Hộp	Gói thuốc thử sử dụng cho máy phân tích điện giải 3 thông số HumaLyte Plus 3	5

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật	Số lượng đề xuất
66	QC Solution	Hộp	Dung dịch QC Solution được sử dụng để kiểm định chất lượng của thiết bị phân tích HumaLyte Plus 3 và HumaLyte Plus 5. - Đóng gói: 1 x 100 ml, dạng lỏng, đựng trong chai nhựa, đóng nắp vận trắng, có nhãn - Độ ổn định: 24 tháng - Độ bền trên máy: 2 tháng - TCCL: CE, ISO 13485	1
67	Điện cực đo Ion Kali	Cái	Điện cực Kali máy điện giải, phù hợp với máy Humalyte Plus 5: Ngưỡng đo: 0.5 - 15mmol/L Độ chính xác: $\leq 1.5\%$ Độ nhiễm chéo: $< 1.5\%$ Đóng gói: hộp 1 chiếc Bảo quản ở 5 -35°C, hạn sử dụng 12 tháng, hạn sử dụng sau khi lắp vào máy: 6 tháng TCCL: CE, ISO 13485	1
68	Điện cực đo Ion Natri	Cái	Điện cực Natri máy điện giải, phù hợp với máy Humalyte Plus 5: Ngưỡng đo: 30 - 200mmol/L Độ chính xác: $\leq 1.0\%$ Độ nhiễm chéo: $< 1.5\%$ Đóng gói: hộp 1 chiếc Bảo quản ở 5 -35°C, hạn sử dụng 24 tháng, hạn sử dụng sau khi lắp vào máy: 12 tháng TCCL: CE, ISO 13485	1
69	Điện cực đo Ion Chloride	Cái	Điện cực Cl máy điện giải, phù hợp với máy Humalyte Plus 5: Ngưỡng đo: 30 - 200mmol/L Độ chính xác: $\leq 1.5\%$ Độ nhiễm chéo: $< 1.5\%$ Đóng gói: hộp 1 chiếc Bảo quản ở 5 -35°C, hạn sử dụng 12 tháng, hạn sử dụng sau khi lắp vào máy: 6 tháng TCCL: CE, ISO 13485	1
V. HÓA CHẤT ĐỒNG BỘ CHO MÁY NƯỚC TIỂU COMBILYZER VA				
70	Que thử dùng cho máy sinh hóa nước tiểu	Hộp	Kit test đo 11 thông số nước tiểu, được dùng riêng theo máy Combilyzer VA	117

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật	Số lượng đề xuất
			Kit 150 test	

VI. HÓA CHẤT THEO MÁY ĐÔNG MÁU

71	Thuốc thử đo thời gian Prothrombin (PT)	HỘP	Hóa chất xét nghiệm thời gian prothrombine (PT) trên máy đông máu bán tự động	3
72	Thuốc thử đo thời gian Thromboplastin hoạt hoá từng phần (APTT)	HỘP	Hóa chất xét nghiệm APTT hoạt hóa bằng Kaolin, máy đông máu bán tự động	3
73	Thuốc thử Canxi Clorua dùng trong xét nghiệm đông máu	HỘP	Dung dịch lỏng Canxi Clorua 0.025 M dùng cho các xét nghiệm đông máu	1
74	Thuốc thử định lượng Fibrinogen	HỘP	Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen	1
75	Owren Koller	HỘP	Dung dịch pha loãng mẫu đông máu	1
76	Couglution Cuvette	HỘP	Cồng đo xét nghiệm đông máu bán tự động	2
77	Falcon Biles	Gói	Bi từ cho xét nghiệm đông máu bán tự động	1
78	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm đông máu thường quy máy bán tự động (Coag Control N+P)	HỘP	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm đông máu thường quy	2

VII. HÓA CHẤT VÀ CÁC TEST XÉT NGHIỆM KHÁC

79	Anti-Streptolysin O (ASO)	Hộp	Xét nghiệm phản ngưng kết latex nhanh để xác định định tính và bán định lượng antistreptolysin-O trong huyết thanh người của các bệnh liên cầu khuẩn. Hộp 100test; ISO-13485. Thuốc thử có độ nhạy ở ngưỡng 200 IU / ml. bảo quản 2-8 độ C	2
80	RF Latex	Hộp	Xét nghiệm phản ngưng kết latex nhanh để xác định định tính và bán định lượng in- vitro của các yếu tố thấp khớp(RF) trong huyết thanh không pha loãng để phát hiện các bệnh thấp khớp. Hộp 100test. ISO-13485. Thuốc thử có độ nhạy ở ngưỡng 8 IU/ml. Bảo quản ở 2-8 độ C	4
81	CRP(C-Reactive Protein)	Hộp	Xét nghiệm phản ngưng kết latex nhanh để xác định định tính và bán định lượng C-Reactive Protein (CRP) của các bệnh viêm nhiễm. Hộp 100test. ISO-13485. Thuốc thử có độ nhạy ở ngưỡng 0.6 mg/dl. Bảo quản ở 2-8 độ C	5

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật	Số lượng đề xuất
82	Anti-A (Monoclonal Reagent)	Lọ	<p>Kháng thể đơn dòng được dẫn xuất từ các dòng tế bào lai, được tạo ra bằng cách hợp nhất tế bào lympho B sinh kháng thể của chuột với các tế bào u tủy chuột. Mỗi dòng tế bào lai sinh ra kháng thể đồng nhất chỉ của 1 lớp immunoglobulin giống nhau về cấu trúc hóa học và hoạt tính miễn dịch.</p> <p>Tế bào hồng cầu người có kháng nguyên A và/hoặc kháng nguyên B sẽ ngưng kết khi có mặt kháng thể tiếp xúc trực tiếp với kháng nguyên</p>	5
83	Anti-AB (Monoclonal Reagent)	Lọ	<p>Kháng thể đơn dòng được dẫn xuất từ các dòng tế bào lai, được tạo ra bằng cách hợp nhất tế bào lympho B sinh kháng thể của chuột với các tế bào u tủy chuột. Mỗi dòng tế bào lai sinh ra kháng thể đồng nhất chỉ của 1 lớp immunoglobulin giống nhau về cấu trúc hóa học và hoạt tính miễn dịch.</p> <p>Tế bào hồng cầu người có kháng nguyên A và/hoặc kháng nguyên B sẽ ngưng kết khi có mặt kháng thể tiếp xúc trực tiếp với kháng nguyên</p>	5
84	Anti-B (Monoclonal Reagent)	Lọ	<p>Kháng thể đơn dòng được dẫn xuất từ các dòng tế bào lai, được tạo ra bằng cách hợp nhất tế bào lympho B sinh kháng thể của chuột với các tế bào u tủy chuột. Mỗi dòng tế bào lai sinh ra kháng thể đồng nhất chỉ của 1 lớp immunoglobulin giống nhau về cấu trúc hóa học và hoạt tính miễn dịch.</p> <p>Tế bào hồng cầu người có kháng nguyên A và/hoặc kháng nguyên B sẽ ngưng kết khi có mặt kháng thể tiếp xúc trực tiếp với kháng nguyên</p>	5

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật	Số lượng đề xuất
85	Anti-D IgG/IgM (Blend Reagent)	Lọ	<p>Kháng thể đơn dòng được dẫn xuất từ các dòng tế bào lai, được tạo ra bằng cách hợp nhất tế bào lympho B sinh kháng thể của chuột với các tế bào u tủy chuột hoặc được dẫn xuất từ dòng tế bào người B qua quá trình chuyển giao EBV. Mỗi dòng tế bào lai sinh ra kháng thể đồng nhất chỉ của 1 lớp immunoglobulin giống nhau về cấu trúc hóa học và hoạt tính miễn dịch. Tế bào hồng cầu người có kháng nguyên D sẽ ngưng kết khi có mặt kháng thể tiếp xúc trực tiếp với kháng nguyên</p>	5
86	Bút thử xét nghiệm định tính hCG	Test	<p>Chỉ định: Định tính phát hiện hCG trong nước tiểu của người. Hoạt chất chính: Kháng thể chuột kháng βhCG, Kháng thể chuột kháng αhCG</p> <p>Hạn dùng: 24 tháng</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngưỡng phát hiện: 25 mIU/mL • Hiệu quả lâm sàng: <ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy tương quan: 100% (95%CI*: 96.3% - 100%) - Độ đặc hiệu tương quan: 100% (95%CI*: 97.5% - 100%) - Độ chính xác tương quan: 100% (95%CI*: 98.49% - 100%) <p>Phản ứng chéo: Sản phẩm không có phản ứng chéo với : LH (300 mIU/mL), FSH (1000 mIU/mL) và TSH (1000 μIU/mL).</p> <ul style="list-style-type: none"> • Độ chính xác ngẫu nhiên: 100% • Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: 100% • Độ tin cậy: 100%. Dạng bút kích thước 82mm x 4,8 mm 	1,600

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật	Số lượng đề xuất
87	Test ma túy 4 trong 1	Test	<p>Phát hiện định tính nhóm các chất gây nghiện trong nước tiểu. Ngưỡng phát hiện: + Morphine: 300 ng/ml + Amphetamine: 1000 ng/ml + Methamphetamine: 500 ng/ml + THC: 50 ng/ml Độ nhạy: 99,8%. Độ đặc hiệu: 99,6% Bảo quản nhiệt độ: 8-30 độ C. Hạn dùng: 24 tháng, kể từ ngày sản xuất Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016 Có chứng nhận chất lượng COA từ nhà sản xuất.</p>	4,173
88	Test định lượng HbA1C	Test	<p>"Test dùng với máy xét nghiệm A1cCare, sử dụng để kiểm soát giá trị HbA1c định kỳ 3 tháng 1 lần với những bệnh nhân tiểu đường. Hộp 20 test bao gồm 20 túi que thử, 1 thanh code chip để nhận diện số lot của hộp test, 20 ống đệm để hòa mẫu. Mỗi túi có 1 que thử dạng khay màu đen và 1 kim lấy máu, trên que thử có công nhận mẫu, có mẫu chứng. Mẫu sử dụng: máu mao mạch hoặc máu tĩnh mạch. Đọc kết quả sau 3 phút. Kết quả hiển thị trên máy đọc A1cCare (SD Biosensor) với 2 thông số: HbA1c và Hemoglobin tổng số.</p>	624
89	Test nhanh chẩn đoán dạ dày	Test	<p>Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA...) kháng H.Pylori trong mẫu huyết thanh, huyết tương. Thể tích mẫu sử dụng là 10 µl. Độ nhạy tương quan 95,9%; Độ đặc hiệu tương quan 89,6% so với phương pháp Elisa. Đọc kết quả sau 10 phút. Kits xét nghiệm ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ 55±1°C. Cộng hợp vàng kháng nguyên H.Pylori-keo vàng: 1±0.2µg</p>	650

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật	Số lượng đề xuất
90	Test nhanh chẩn đoán giang mai	Test	Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) kháng Treponema pallidum. Độ nhạy tương quan: 99.3%. Độ đặc hiệu tương quan: 99.5% so với TPHA.; Mẫu xét nghiệm: huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần. Không có phản ứng chéo với các mẫu dương tính Malaria P.f, Malaria P.v, mẫu chứa yếu tố dạng thấp, dương tính Leprosy, mẫu của phụ nữ mang thai. Bảo quản ở nhiệt độ 2-30°C. Thanh thử ổn định 72 giờ sau khi mở túi nhôm.	400
91	Test nhanh chẩn đoán HBeAg	Test	Hoạt chất chính: Cặp kháng thể chuột kháng HBeAg Hạn dùng: 24 tháng Hiệu quả chẩn đoán: - Độ nhạy tương quan: 100.0% (95%CI*: 97.13% - 100%) - Độ đặc hiệu tương quan: 98.8% (95%CI*: 96.96% - 99.53%) - Độ chính xác tương quan: 99.14% (95%CI*: 97.80% - 99.66%) *95%CI: Khoảng tin cậy 95%	60
92	Test nhanh chẩn đoán HIV	Test	Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) đặc hiệu với virus HIV-1 gồm type phụ O và HIV-2 và phân biệt trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. Độ nhạy tương quan: 100%; Độ đặc hiệu tương quan: 99.8% so sánh với phương pháp Elisa..Không có phản ứng chéo với các mẫu thâm tách máu, mẫu rối loạn đông máu, mẫu chứa yếu tố dạng thấp, mẫu dương tính với kháng thể kháng HCV và mẫu máu phụ nữ mang thai. Thanh thử ổn định 48 giờ sau khi mở túi nhôm.	600

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật	Số lượng đề xuất
93	Test nhanh chẩn đoán sốt xuất huyết IgG và IgM	Test	Phát hiện phân biệt kháng thể IgG và IgM kháng các type virus Dengue 1,2,3 và 4. Không có phản ứng chéo với nhóm Flavivirus khác và những bệnh do muỗi truyền. Độ nhạy 94,6%, Độ đặc hiệu 96,5% so với Elisa. Các mẫu có ly giải máu, các mẫu có chứa yếu tố thấp khớp, mỡ máu, chứng hoàng đản không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm. Thanh thử ổn định sau 72 giờ sau khi mở túi nhôm.	260
94	Test nhanh chẩn đoán viêm gan B	Test	Phát hiện định tính kháng nguyên HBV trong mẫu huyết thanh, huyết tương người. Độ nhạy: 100%, Độ đặc hiệu tương quan: 100% so sánh với phương pháp Elisa. Giới hạn phát hiện 1 ng/ml. Các mẫu ly giải máu, mẫu mỡ máu, vàng da không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm. Không có phản ứng chéo với các mẫu chứa yếu tố dạng thấp, chứa kháng thể kháng HCV, kháng thể kháng HIV và phụ nữ mang thai. Thanh thử ổn định 72 giờ sau khi mở túi nhôm.	260
95	Test nhanh chẩn đoán viêm gan C	Test	Phát hiện kháng thể đặc hiệu kháng HCV trong mẫu huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần người. Sử dụng kháng nguyên HCV tái tổ hợp: protein lõi, NS3, NS4, NS5; Thể tích mẫu sử dụng là 10µl; Độ nhạy tương quan: 100%, Độ đặc hiệu tương quan: 99,4% so với phương pháp RT-PCR. Thanh thử ổn định 72 giờ sau khi mở túi nhôm. Màng nitrocellulose: 25±5 x 4.5±0.9mm; Kits xét nghiệm ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ 55±1°C	390

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật	Số lượng đề xuất
96	Test nhanh phát hiện KN Dengue NS1 chẩn đoán sốt xuất huyết	Test	Phát hiện kháng nguyên virus Dengue NS1 trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần người. Độ nhạy tương quan: 92.4%, Độ đặc hiệu tương quan: 98.4% so với RT-PCR. Mẫu li giải, mẫu chứa yếu tố dạng thấp, mẫu mỡ máu và vàng da không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm. Thanh thử ổn định 72 giờ sau khi mở túi nhôm.	1,397
97	Test thử đường huyết	Test	Thành phần thuốc thử: hoạt chất (cho 100 que thử) - Glucose oxidase (GOD) 300 đơn vị - Potassium ferricyanide 9,0 mg - Vùng đo: 10 ~600mg/dL (0.6 ~ 33.3 mmol/L) - Thẻ tích mẫu: 0.9 μ l - Thời gian thử: 5 giây - Que thử điện cực vàng, xét nghiệm men GOD xúc tác phản ứng chuyển hóa Glucose. - Không code chip	1,000
98	Test nhanh chẩn đoán dạ dày	Test	Phát hiện định tính Helicobacter pylori trong mẫu phân. Khoảng giới hạn phát hiện là: 0,78ng / mL - 0,09ng / mL của protein tái tổ hợp màng ngoài H. pylori. Độ nhạy 98,2% (95%CI: 90,3-100,0%), độ đặc hiệu 98,4% (95%CI 91,2-100,0%) so với q-PCR	100
99	Test chẩn đoán vi khuẩn h.py qua nội soi	Test	Hộp 20 giếng rời được dùng để phát hiện nhanh H. pylori có trong bệnh phẩm hoặc trên môi trường nuôi cấy	700